TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 294/2018/DS-ST
Ngày: 06-11-2018
V/v Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thế Văn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Tuấn

Bà Nguyễn Thị Kim Phượng

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tâm Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên

Trong ngày 06 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 96/2018/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2018 về việc Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hụi.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 228/2018/QĐXX ST - DS ngày 22 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị C (M), sinh năm 1966 nơi cư trú: Số 449/13, ấp MP, xã MĐ, huyện CP, An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Trúc N, sinh năm 1986 cùng địa chỉ với bà C làm đại diện theo giấy ủy quyền lập ngày 03/10/2018, có mặt.

-*Bị đơn:*

1.Ông Ngô Tòng H, sinh năm 1975

2.Bà Quách Thị Phương T, sinh năm 1976

Ông H, bà T cùng cư trú: Ấp MP, xã MĐ, huyện CP, An Giang, Ông H ủy quyền cho bà T đại diện theo giấy ủy quyền lập ngày 31/5/2018, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 05 năm 2018 nguyên đơn bà Hồ Thị C trình bày: Bà có cho vợ chồng ông H, bà T vay tiền, vàng như sau:

- Ngày 26/11/2016 âl vay 200.000.000 đồng lãi suất 2%/tháng.

-Ngày 01/12/2016 âl vay 30 chỉ vàng 24kr loại 9999, lãi 300.000 đồng/10 chỉ/tháng.

- Ngày 10/12/2016 âl vay 200.000.000 đồng, lãi 2%/tháng.

Ông H, bà T có thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01120iF do Ủy ban nhân dân huyện CP cấp ngày 13/10/2006. ông H, bà T có trả lãi tiền vay 400.000.000 đồng được 03 tháng là 24.000.000 đồng, trả lãi vàng 3 tháng được 2.700.000 đồng.

Ngoài ra, bà có tham gia 01 dây hụi 5.000.000 đồng và 01 dây hụi 300.000 đồng do ông H bà T làm chủ. Năm 2017, bà đã góp hụi cả hai dây được 136.600.000 đồng thì ông H, bà T tuyên bố bể nợ.

Nay bà yêu cầu ông H, bà T trả tiền vay 400.000.000 đồng và 30 chỉ vàng 24kr loại 9999, tiền hụi 136.000.000 đồng và tính lãi tiền vay từ ngày làm biên nhận đến nay theo quy định pháp luật.

Bản từ khai ngày 31/05/2018, bị đơn ông Ngô Tòng H và bà Quách Thị Phương T trình bày: Vợ chồng ông bà có làm chủ hụi, có vay tiền bà C để mua hụi. Trong quá trình làm chủ hụi do một số hụi viên khác hốt hụi xong rồi không nộp lại hụi chết nên mất khả năng thanh toán. Ông, bà chấp nhận toàn bộ nhưng trả vốn dần dần.

Văn bản thay đổi ý kiến ngày 02/7/2018, bà Quách Thị Phương T trình bày: Bà chỉ thừa nhận tiền nợ vay bà C 400.000.000 đồng, 30 chỉ vàng 24kr loại 9999, còn tiền hụi 136.600.000 đồng là có tiền vốn và lãi, bà đã xin bà C bớt lãi tiền hụi nhưng bà C không chấp nhận nên bà không thừa nhận có nợ hụi bà C 136.600.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn đồng ý cho bà T một phần tiền góp hụi là 6.600.000 đồng còn lại 130.000.000 đồng, giữ nguyên yêu cầu đối với tiền, vàng vay và tính lãi theo quy định pháp luật. Bà T thừa nhận tiền vay 400.000.000 đồng, 30 chỉ vàng 24kr 9999, đã đóng lãi rất nhiều tháng, không phải 03 tháng như bà N trình bày; còn tiền hụi bà T cho rằng vốn chỉ có 120.000.000 đồng, còn lại 16.600.000 đồng tiền lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến:

+Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng những quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tòa án tống đạt2thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và

cho bị đơn trễ hạn. Chánh án chưa ra quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án là vi phạm quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

+Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông H, bà T trả bà C tiền vay vốn 400.000.000 đồng, 30 chỉ vàng 24kr loại 9999, tiền góp hụi 130.000.000 đồng và tính lãi có khấu trừ phần lãi đã nhận vượt quá quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tiền vay: Các bên thống nhất vợ chồng ông H, bà T có vay tiền, vàng của bà C 03 lần số tiền 400.000.000 đồng và 30 chỉ vàng 24kr loại 9999 theo 03 biên nhận vào các ngày 26/11/2016 âl, ngày 01/12/2016 âl và ngày 10/12/2016 âl với lãi suất tiền 2%/tháng, lãi vàng 300.000 đồng/10 chỉ/tháng.

Bà C cho rằng sau khi vay, ông H bà T chỉ trả lãi được 3 tháng đối với tiền 400.000.0000 đồng là 24.000.000 đồng, còn lãi vàng được 2.700.000 đồng, tổng cộng 26.700.000 đồng. Bà T cho rằng vay tiền và vàng trước khi làm biên nhận, đã đóng lãi nhiều hơn nhưng không còn nhớ. Hợp đồng vay tiền, vàng giữa các bên là không kỳ hạn, tại phiên tòa bà T thừa nhận bà C nhiều lần yêu cầu trả tiền vay nhưng bà không khả năng thanh toán. Do đó, bà C khởi kiện yêu cầu ông H, bà T trả 400.000.000 đồng, 30 chỉ vàng 24kr loại 9999 và tiền lãi là có căn cứ.

Bà C có yêu cầu tính lãi từ ngày vay đến nay theo quy định pháp luật, có trừ ra 03 tháng lãi đã nhận. Tiền lãi hai bên thỏa thuận 2%/tháng là cao hơn quy định nên phải điều chỉnh lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 với lãi suất bằng 150% lãi suất cơ bản 9%/năm (Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam) từ ngày vay đến khi xét xử. Số tiền lãi được tính như sau:

- Lãi của tiền vay ngày 26/11/2016 âl: 200.000.000 đồng x 1,35%/năm x 01 năm 10 tháng 02 ngày = 59.400.000 đồng.

- Lãi của tiền vay ngày 10/12/2016 âl: 200.000.000 đồng x 1,35%/năm x 01 năm 09 tháng 18 ngày = 56.700.000.

Về vàng, pháp luật quy định vay vàng không được tính lãi.

Tổng cộng tiền lãi là 116.100.000 đồng, trừ vào tiền lãi đã nhận 26.700.000 đồng, ông H bà T còn phải trả lãi 89.400.000 đồng

[2] Về tiền hụi: Bà T thừa nhận bà làm chủ hụi, bà Chăm tham gia 02 dây hụi, 01 dây 5.000.000 đồng và dây 300.000 đồng, năm 2017 bà T tuyên bố vở nợ, cùng quyết toán và làm biên nhận nợ bà C tiền hụi số tiền 136.600.000 đồng. Bà T cho rằng tiền nợ hụi vốn 120.000.000 đồng, còn lại tiền lãi, nếu bà C đồng ý bỏ lãi thì bà thừa nhận có nợ hụi, còn không bỏ lãi bà không thừa nhận.

Bà T đã thừa nhận có nợ tiền hụi 136.600.0000 đồng, bà cho rằng có lãi nhưng không được đại diện của bà C thừa nhận. Bà T không chứng minh được trong số tiền này có tiền lãi bao nhiêu để Hội đồng xét xử xem xét lại mức lãi suất. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn đồng ý cho bà T một phần hụi là 6.600.000 đồng, do đó bà T có nghĩa vụ trả tiền hụi còn lại 130.000.000 đồng.

[3] Về trách nhiệm thanh toán: Ông H, bà T cùng ký nhận vay tiền, vàng bà C nên cùng có nghĩa vụ thanh toán vốn và lãi vay cho bà C. Bà T ký nhận nợ tiền hụi, bà C yêu cầu ông H và bà T cùng thanh toán nhưng ông H không phản đối. Do đó, ông H và bà T cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà C tiền vốn vay 400.000.000 đồng, tiền hụi 130.000.000 đồng, 30 chỉ vàng 24kr loại 9999, tiền lãi 89.400.000 đồng.

Ông H, bà T có thế chấp cho bà Chăm 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01120iF do Ủy ban nhân dân huyện CP cấp ngày 13/10/2006. Việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không lập thành văn bản, không có chứng thực hoặc công chứng của cơ quan có thẩm quyền nên không có hiệu lực pháp luật. Bà C có nghĩa vụ trả lại ông H, bà T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[4]Về án phí:

Ông H, bà T cùng phải chịu 32.976.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 91, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 474, Điều 476, Điều 477, Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị C.

Buộc ông Ngô Tòng H và bà Quách Thị Phương T có nghĩa vụ liên đới trả Hồ Thị C 619.400.000 đồng (vốn vay 400.000.000 đồng, tiền hụi 130.000.000 đồng, lãi vay 89.400.000 đồng) 30 chỉ vàng 24kr loại 9999.

Kể từ ngày bà C có đơn yêu cầu thi hành án, ông H và bà T không thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền vốn tương ứng thời gian chậm thi hành án.

Bà C có nghĩa vụ trả lại cho ông H, bà T 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01120iF do Ủy ban nhân dân huyện Châu Phú cấp ngày 13/10/2006.

Ông H, bà T cùng phải chịu 32.976.000 (Ba mươi hai triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà C không phải chịu án phí dân4sự sơ thẩm. Trả lại bà C tiền tạm ứng án

phí đã nộp 12.500.000 (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002208 ngày 08/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thế Văn